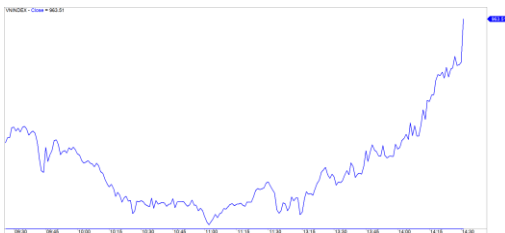


Diễn biến thị trường trong phiên

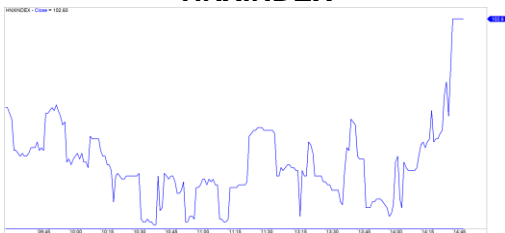
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	963.51	102.60	55.81
% ngày	0.51%	0.27%	0.27%
% tuần	0.74%	0.18%	0.25%
% tháng	-1.50%	-0.61%	-0.37%
% năm	6.96%	-1.34%	6.14%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,130	460	303
TB 1 tuần	3,969	499	248
TB 1 tháng	4,473	358	228
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	407.70	1.65	12.32
Bán	367.85	3.96	5.27
Giá trị ròng	39.85	-2.31	7.05
Độ rộng TT			
Mã Tăng	149	62	180
Mã Giảm	146	65	114
Không Đổi	95	244	609
Chỉ số chính			
P/E	15.66	9.15	17.21
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,279	193	946
LS Cổ tức	2.31%	4.25%	4.09%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Quán tính giảm tiếp tục duy trì đầu phiên khiến VN-Index giảm về mức thấp nhất phiên tại 954.19 điểm. Tuy vậy, lực cầu giá thấp quay trở lại với đà dẫn dắt của một số bluechip giúp các chỉ số đóng cửa trên vùng giá xanh trong phiên giao dịch thứ 6 cuối cùng của 2019. VN-Index ghi nhận phiên tăng điểm với mức tăng 0.51% dừng tại 963.51 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng đồng thuận tăng 0.27% neo tại 102.6 điểm trong khi Upcom-Index cũng có mức tăng tương tự. Điểm trừ là giá trị giao dịch khởp lệnh đạt mức thấp với hơn 2,200 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

BID tiếp tục có phiên tăng điểm ấn tượng khi tăng 4.5% đóng cửa ở mức cao lịch sử mới. HPG(+2.4%) cũng nghi nhân phiên hồi phục tốt với thanh khoản hơn 4.1 triệu cp. Ngoài BID, HPG thì HDB(+1.95%), NVL(+1.8%), BVH(+1.2%), VCB(+1.2%), PNJ(+1.1%), REE(+1.1%)...là những mã cũng có mức tăng khá tích cực. Trong khi đó, ROS tiếp tục giảm sàn phiên thứ 2 hiện còn dư bán sàn hơn 6.7 triệu cp. Trong nhóm cổ phiếu Penny, DLG tiếp tục là điểm sáng khi xu hướng chưa có dấu hiệu chững lại với mức tăng 5.1% trong phiên và thành khoản khởp lệnh tiếp tục trên mức trung bình 20 phiên đạt hơn 12.5 triệu cp. Trong nhóm Mid-Cap, CTI nổi bật khi chạm trần dừng tại 21,800 đồng/cp trong khi PDR(+3.7%), HCM(+2.9J%), VSC(+2.3%), AAA(+1.2%)...cũng giao dịch tích cực.

Khối ngoại mua ròng với giá trị 66 tỷ đồng. MSN(+43 tỷ), HPG(+18.1 tỷ) dẫn đầu chiều mua ròng. Ở chiều ngược lại, VIC(18.6 tỷ), VHM(+12 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục tích lũy trong vùng giá 960 – 963 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, chỉ số VN-Index có thể sẽ sớm kết thúc giai đoạn đi ngang trong các phiên giao dịch đầu tuần và xu hướng ngắn hạn sẽ rõ ràng hơn, chúng tôi nghiêng về kịch bản tích cực khi dòng tiền cũng đang có dấu hiệu dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps, đặc biệt là nhóm ngân hàng và bất động sản. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu cũng tăng nhẹ nhưng tỷ trọng này vẫn duy trì ở mức tiêu cực cho nên dấu hiệu hình thành sóng tăng vẫn chưa hình thành.

Hệ thống chỉ báo xu hướng ngắn hạn vẫn duy trì ở mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 967.13 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, trên quan điểm thận trọng, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường. Đồng thời, nếu nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao thì vẫn có thể xem xét mở vị thế mua mới với tỷ trọng cổ phiếu đã khuyến nghị.

Tuần tới là tuần cơ cấu NAV quý 4/2019 của các quỹ cho nên hoạt động này có thể sẽ gây ảnh hưởng đến thị trường. Theo thống kê quá khứ trong ba phiên giao dịch cuối cùng của năm, chỉ số VN-Index thường tăng điểm với xác suất cao lên đến 88% và chỉ số VN-Index cũng toàn tăng điểm trong 5 năm gần đây.

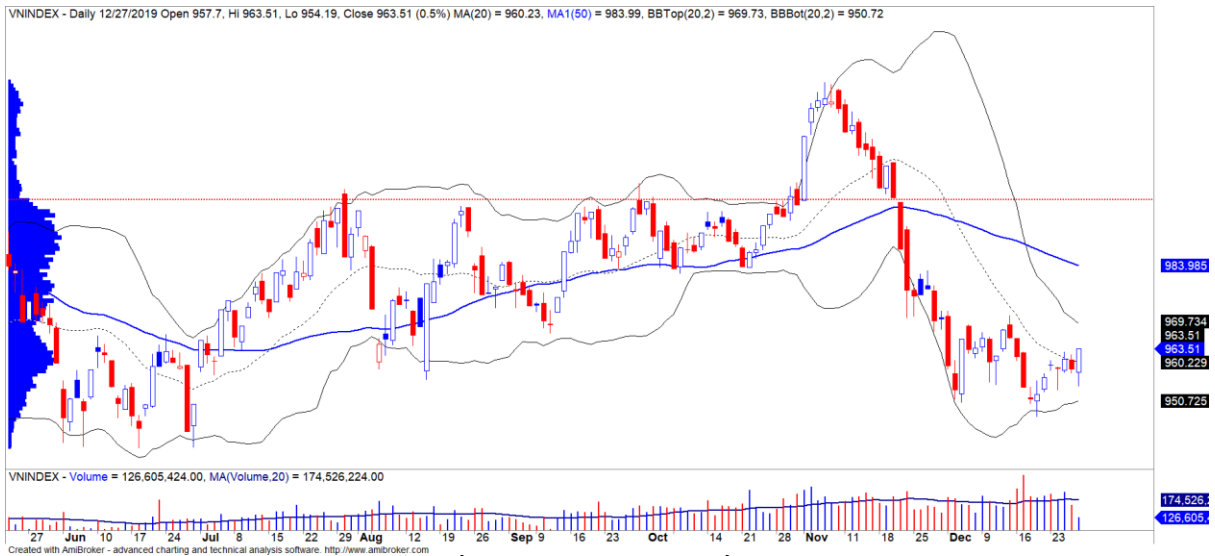
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 39% cổ phiếu/61% tiền.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 37% cổ phiếu/63% tiền.



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.90	GIẢM	GIẢM		13.19				15.18		
ACB	22.70	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.42%	
ACV	77.40	TĂNG	GIẢM	74.00	74.78	4.59%			78.74		
ANV	22.20	GIẢM	GIẢM		22.77				25.57		
ASM	6.76	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BFC	11.85	GIẢM	GIẢM		12.65				13.64		
BID	46.20	TĂNG	TĂNG	41.90	42.81	10.26%		33.40	38.49	38.32%	
BMP	46.15	GIẢM	GIẢM	49.00	46.21	-5.69%	BÁN	48.30	46.42	-3.90%	BÁN
BSR	8.20	GIẢM	GIẢM		8.68				9.89		
BVH	68.80	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
BWE	24.15	GIẢM	GIẢM	25.10	24.26	-3.35%	BÁN		25.84		
CEO	9.50	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	2.15%			9.80		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		23.14			24.45	22.23	-9.06%	BÁN
CMG	35.95	GIẢM	TĂNG		37.36			23.20	34.96	54.96%	
CMX	14.70	GIẢM	GIẢM		16.21				20.03		
CSM	13.70	GIẢM	GIẢM		14.14				14.97		
CTD	53.90	GIẢM	GIẢM		58.41				71.84		
CTG	20.65	TĂNG	GIẢM	20.60	19.93	0.24%			21.78		
CTR	40.60	TĂNG	N/A	43.30	40.08	-6.24%		-	N/A		
CVT	20.50	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DCM	6.65	GIẢM	GIẢM		6.78				7.15		
DGC	24.90	GIẢM	GIẢM		26.69			28.61	24.95	-12.80%	BÁN
DGW	23.05	TĂNG	GIẢM	23.25	21.22	-0.86%			25.77		
DHA	31.50	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-1.10%			32.52		
DHC	37.00	GIẢM	TĂNG		39.83			37.70	36.02	-1.86%	
DHG	92.50	GIẢM	GIẢM		93.96				99.56		
DIG	13.75	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-1.79%			14.69		
DPG	42.00	GIẢM	GIẢM		43.55				49.82		
DPM	13.20	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DPR	39.45	GIẢM	TĂNG		39.66			41.30	35.60	-4.48%	
DQC	15.80	GIẢM	GIẢM		16.17				17.50		
DRC	23.20	GIẢM	TĂNG		23.57			21.60	21.25	7.41%	
DXG	14.60	TĂNG	GIẢM	14.60	14.59	0.00%	MUA		16.12		
EIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.60			18.40	16.46	-8.15%	



We Create Fortune

FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FMC	27.70	TĂNG	TĂNG	27.45	27.05	0.91%		31.60	26.18	-12.34%	
FPT	57.60	TĂNG	TĂNG	57.00	55.76	1.05%		46.00	54.99	25.22%	
GAS	97.00	GIẢM	GIẢM		99.23				105.96		
GEX	19.40	GIẢM	GIẢM		20.10				21.00		
GIL	16.75	GIẢM	GIẢM		17.87				20.39		
GMD	23.50	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	-0.42%			25.29		
GTN	19.00	GIẢM	GIẢM		22.84			15.00	19.49	29.94%	BÁN
GVR	10.50	GIẢM	N/A		11.61				N/A		
HAG	4.05	TĂNG	GIẢM	3.86	3.84	4.92%			4.22		
HAX	16.35	GIẢM	GIẢM		17.27				20.93		
HBC	10.70	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	0.00%			12.34		
HCM	21.40	GIẢM	GIẢM		21.89				24.43		
HDB	27.00	GIẢM	GIẢM		27.34				29.49		
HDC	24.50	TĂNG	TĂNG	23.10	23.37	6.06%		15.25	20.25	60.66%	
HDG	30.70	GIẢM	GIẢM		31.80				34.59		
HNG	14.15	GIẢM	GIẢM		14.53				15.82		
HPG	23.55	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	22.11	-1.26%	
HSG	7.86	GIẢM	TĂNG		8.49			7.75	7.30	1.42%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-12.43%	
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	15.25	14.69	0.98%		15.35	14.00	0.33%	
KDH	26.90	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	12.08%	
KSB	17.25	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	-2.82%			19.42		
LCG	8.37	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-1.99%			8.76		
LDG	8.72	GIẢM	GIẢM		8.94				10.22		
LHG	15.30	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.59				8.05		
MBB	20.90	GIẢM	GIẢM		21.66				23.04		
MPC	21.50	TĂNG	GIẢM	20.10	19.84	6.97%			23.55		
MSN	56.90	GIẢM	GIẢM		57.22				64.60		
MSR	16.00	TĂNG	GIẢM	14.40	13.62	11.11%			16.05		
MWG	113.50	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	0.09%			122.49		
NDN	17.50	TĂNG	TĂNG	17.40	17.21	0.57%		13.70	16.27	27.74%	
NKG	6.84	GIẢM	TĂNG		7.04			7.11	6.07	-3.80%	
NLG	27.35	TĂNG	TĂNG	27.35	26.42	0.00%		28.70	26.30	-4.70%	
NT2	21.70	GIẢM	GIẢM		22.11				23.68		
NTL	24.20	TĂNG	TĂNG	24.40	22.82	-0.82%		24.20	23.88	0.00%	MUA



We Create Fortune

NVL	57.90	TĂNG	GIẢM	57.90	57.48	0.00%	MUA		60.29		
OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.85				10.36		
PAC	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-2.71%			27.71		
PC1	17.60	GIẢM	GIẢM		18.12				19.87		
PDR	26.45	TĂNG	TĂNG	26.45	26.32	0.00%	MUA	29.00	25.19	-8.79%	
PHR	40.45	GIẢM	GIẢM		44.50				55.36		
PLX	56.40	GIẢM	GIẢM		57.05				60.01		
PNJ	86.50	TĂNG	TĂNG	84.70	83.02	2.13%		77.07	78.71	12.23%	
POW	11.75	GIẢM	GIẢM		12.72				13.71		
PVT	16.75	GIẢM	TĂNG		16.94			18.30	16.28	-8.47%	
PPC	27.30	TĂNG	TĂNG	26.81	26.31	1.83%		28.40	24.39	-3.87%	
PTB	71.00	GIẢM	TĂNG		72.20			64.00	68.51	10.94%	
PVB	18.40	GIẢM	GIẢM		19.03				20.71		
PVD	15.00	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	30.90	GIẢM	GIẢM		31.71				33.64		
PVS	17.50	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-1.69%			19.30		
PXS	5.60	TĂNG	TĂNG	5.78	5.21	-3.11%		6.20	4.88	-9.68%	
QNS	28.70	GIẢM	TĂNG		29.23			33.80	28.38	-15.09%	
REE	35.90	GIẢM	TĂNG		36.82			33.33	35.23	7.73%	
SAB	230.50	GIẢM	GIẢM		238.28				255.31		
SAM	8.19	TĂNG	TĂNG	8.15	7.94	0.49%		7.40	7.58	10.68%	
SCR	5.92	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	-0.17%		6.33	5.21	-6.48%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	28.76%	
SJS	17.00	TĂNG	TĂNG	17.00	16.92	0.00%	MUA	17.00	16.88	0.00%	MUA
SKG	12.30	TĂNG	TĂNG	11.60	11.85	6.03%		12.30	11.70	0.00%	MUA
SSI	18.10	GIẢM	GIẢM		18.88				20.66		
STB	10.15	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	23.20	GIẢM	GIẢM		23.36				24.80		
TCM	18.95	GIẢM	GIẢM		19.92				22.18		
TDH	10.10	GIẢM	GIẢM		10.16				11.11		
TLH	4.50	TĂNG	TĂNG	4.06	4.25	10.84%		4.48	3.63	0.45%	
TNG	15.50	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	2.65%			16.69		
VCB	90.50	TĂNG	TĂNG	87.50	86.39	3.43%		62.00	84.02	45.97%	
VCG	27.00	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	0.00%		19.20	25.47	40.63%	
VCS	79.00	GIẢM	GIẢM		83.53				91.56		
VGC	18.00	GIẢM	GIẢM		18.37				19.34		
VGT	8.30	GIẢM	GIẢM		8.67				8.95		
VHC	77.40	GIẢM	GIẢM		80.15				83.84		
VHM	84.50	GIẢM	GIẢM		86.95				94.97		

We Create Fortune

VIB	17.60	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	1.15%		17.70	16.56	-0.56%	
VIC	115.20	GIẢM	TĂNG		117.67			112.00	113.76	2.86%	
VIP	4.98	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	143.60	GIẢM	TĂNG		144.27			124.50	138.01	15.34%	
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		19.88				21.64		
VNM	118.20	GIẢM	GIẢM		120.32				126.83		
VPB	19.70	GIẢM	GIẢM		19.96				21.30		
VPI	41.60	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.73%	
VRC	19.35	GIẢM	GIẢM		22.48			17.30	21.51	24.32%	BÁN
VRE	33.40	GIẢM	TĂNG		33.79			35.05	32.08	-4.71%	
VSC	27.00	TĂNG	TĂNG	25.45	25.15	6.09%		27.00	26.67	0.00%	MUA

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.70	GIẢM	TĂNG		23.20			24.00	22.57	-5.42%	
BID	46.20	TĂNG	TĂNG	41.90	42.81	10.26%		33.40	38.49	38.32%	
BSR	8.20	GIẢM	GIẢM		8.68				9.89		
BVH	68.80	GIẢM	GIẢM		71.87				73.44		
CTG	20.65	TĂNG	GIẢM	20.60	19.93	0.24%			21.78		
FPT	57.60	TĂNG	TĂNG	57.00	55.76	1.05%		40.23	54.99	43.19%	
GAS	97.00	GIẢM	GIẢM		99.23				105.96		
GEX	19.40	GIẢM	GIẢM		20.10				21.00		
GVR	10.50	GIẢM	N/A		11.61				N/A		
HDB	27.00	GIẢM	GIẢM		27.34				29.49		
HNG	14.15	GIẢM	GIẢM		14.53				15.82		
HPG	23.55	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	22.11	-1.26%	
HVN	33.90	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KDH	26.90	GIẢM	TĂNG		27.06			24.00	24.98	12.08%	
MBB	20.90	GIẢM	GIẢM		21.66				23.04		
MSN	56.90	GIẢM	GIẢM		57.22				64.60		
MWG	113.50	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	0.09%			122.49		
NVL	57.90	TĂNG	GIẢM	57.90	57.48	0.00%	MUA		60.29		
OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.85				10.36		
PLX	56.40	GIẢM	GIẢM		57.05				60.01		
PNJ	86.50	TĂNG	TĂNG	84.70	83.02	2.13%		77.07	78.71	12.23%	



We Create Fortune

POW	11.75	GIẢM	GIẢM		12.72				13.71		
QNS	28.70	GIẢM	TĂNG		29.23			33.26	28.38	-13.70%	
REE	35.90	GIẢM	TĂNG		36.82			33.33	35.23	7.73%	
ROS	19.95	GIẢM	GIẢM		23.62				26.17		
SBT	18.50	GIẢM	TĂNG		18.58			17.50	17.46	5.71%	
SSI	18.10	GIẢM	GIẢM		18.88				20.66		
STB	10.15	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	23.20	GIẢM	GIẢM		23.36				24.80		
TPB	21.10	GIẢM	GIẢM		21.53				23.94		
VCB	90.50	TĂNG	TĂNG	87.50	86.39	3.43%		62.00	84.02	45.97%	
VCG	27.00	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	0.00%		18.44	25.47	46.41%	
VCS	79.00	GIẢM	GIẢM		83.53				91.56		
VEA	43.60	GIẢM	GIẢM		45.35				59.45		
VGI	25.00	TĂNG	N/A	26.80	24.48	-6.72%			N/A		
VHM	84.50	GIẢM	GIẢM		86.95				94.97		
VIB	17.60	TĂNG	TĂNG	17.40	17.14	1.15%		15.00	16.56	17.30%	
VIC	115.20	GIẢM	TĂNG		117.67			112.00	113.76	2.86%	
VJC	143.60	GIẢM	TĂNG		144.27			124.50	138.01	15.34%	
VNM	118.20	GIẢM	GIẢM		120.32				126.83		
VPB	19.70	GIẢM	GIẢM		19.96				21.30		
VRE	33.40	GIẢM	TĂNG		33.79			35.05	32.08	-4.71%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.90	GIẢM	GIẢM		13.19				15.18		
ANV	22.20	GIẢM	GIẢM		22.77				25.57		
ASM	6.76	GIẢM	GIẢM		6.96				7.24		
BMI	25.20	GIẢM	TĂNG		25.42			26.70	23.99	-5.62%	
BMP	46.15	GIẢM	GIẢM	49.00	46.21	-5.69%	BÁN	48.30	46.42	-3.90%	BÁN
BWE	24.15	GIẢM	GIẢM	25.10	24.26	-3.35%	BÁN		25.84		
CEO	9.50	TĂNG	GIẢM	9.30	9.02	2.15%			9.80		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		23.14			24.45	22.23	-9.06%	BÁN
CRE	24.50	TĂNG	GIẢM	24.20	23.70	1.24%			24.70		
CTI	21.80	TĂNG	GIẢM	21.80	21.49	0.00%	MUA		24.05		
CTR	40.60	TĂNG	GIẢM	43.30	40.08	-6.24%			50.54		
D2D	79.80	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-3.97%	

We Create Fortune

DBD	54.60	GIẢM	TĂNG		57.17			38.65	54.36	41.26%	
DCM	6.65	GIẢM	GIẢM		6.78				7.15		
DGW	23.05	TĂNG	GIẢM	23.25	21.22	-0.86%			25.77		
DHC	37.00	GIẢM	TĂNG		39.83			37.70	36.02	-1.86%	
DIG	13.75	TĂNG	GIẢM	14.00	13.39	-1.79%			14.69		
DPG	42.00	GIẢM	GIẢM		43.55				49.82		
DPM	13.20	GIẢM	GIẢM		13.52				14.36		
DRC	23.20	GIẢM	TĂNG		23.57			21.60	21.25	7.41%	
DXG	14.60	TĂNG	GIẢM	14.60	14.59	0.00%	MUA		16.12		
E1VFN30	14.61	GIẢM	GIẢM		14.74				15.42		
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.70	TĂNG	TĂNG	4.61	4.56	1.95%		4.63	4.02	1.51%	
GEG	26.80	GIẢM	TĂNG		27.19			12.50	25.77	114.36%	
GMD	23.50	TĂNG	GIẢM	23.60	23.27	-0.42%			25.29		
GTN	19.00	GIẢM	GIẢM		22.84			15.00	19.49	29.94%	BÁN
HAG	4.05	TĂNG	GIẢM	3.86	3.84	4.92%			4.22		
HBC	10.70	TĂNG	GIẢM	10.70	10.42	0.00%			12.34		
HCM	21.40	GIẢM	GIẢM		21.89				24.43		
HDC	24.50	TĂNG	TĂNG	23.10	23.37	6.06%		15.25	20.25	60.66%	
HDG	30.70	GIẢM	GIẢM		31.80				34.59		
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.18%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.86	GIẢM	TĂNG		8.49			7.75	7.30	1.42%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-12.43%	
HTM	17.80	TĂNG	GIẢM	16.00	15.79	11.25%			18.47		
IBC	20.20	GIẢM	GIẢM		20.64				21.22		
IDI	5.25	TĂNG	GIẢM	5.45	5.13	-3.67%			5.89		
IJC	16.35	TĂNG	TĂNG	14.65	15.34	11.60%		13.10	12.68	24.81%	
ITA	2.87	TĂNG	GIẢM	2.87	2.84	0.00%	MUA		3.09		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	15.25	14.69	0.98%		14.85	14.00	3.73%	
KDC	19.30	TĂNG	TĂNG	19.50	18.14	-1.03%		20.82	18.08	-7.28%	
KOS	27.80	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.73%		26.30	25.20	5.70%	
KSB	17.25	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	-2.82%			19.42		
LDG	8.72	GIẢM	GIẢM		8.94				10.22		
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.59				8.05		
MBG	25.20	TĂNG	GIẢM	31.00	21.93	-18.71%			39.37		
MBS	15.20	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	3.40%			15.75		
MPC	21.50	TĂNG	GIẢM	20.10	19.84	6.97%			23.55		
NBB	20.00	GIẢM	GIẢM		21.00				22.02		

We Create Fortune

NKG	6.84	GIẢM	TĂNG		7.04			7.11	6.07	-3.80%	
NLG	27.35	TĂNG	TĂNG	27.35	26.42	0.00%		26.28	26.30	4.07%	
NT2	21.70	GIẢM	GIẢM		22.11				23.68		
NTL	24.20	TĂNG	TĂNG	24.40	22.82	-0.82%		24.20	23.88	0.00%	MUA
NVB	9.40	TĂNG	TĂNG	7.60	9.16	23.68%		8.50	8.62	10.59%	
OGC	3.55	TĂNG	GIẢM	3.75	3.51	-5.33%			4.07		
PC1	17.60	GIẢM	GIẢM		18.12				19.87		
PDR	26.45	TĂNG	TĂNG	26.45	26.32	0.00%	MUA	23.59	25.19	12.10%	
PHR	40.45	GIẢM	GIẢM		44.50				55.36		
PPC	27.30	TĂNG	TĂNG	28.30	26.31	-3.53%		28.40	24.39	-3.87%	
PTB	71.00	GIẢM	TĂNG		72.20			60.78	68.51	16.81%	
PVD	15.00	GIẢM	GIẢM		15.20				16.61		
PVI	30.90	GIẢM	GIẢM		31.71				33.64		
PVS	17.50	TĂNG	GIẢM	17.80	17.06	-1.69%			19.30		
PVT	16.75	GIẢM	TĂNG		16.94			17.31	16.28	-3.21%	
QCG	4.10	GIẢM	GIẢM		4.31				4.80		
SCR	5.92	TĂNG	TĂNG	5.93	5.78	-0.17%		6.33	5.21	-6.48%	
SGP	7.20	GIẢM	GIẢM		7.38				9.24		
SHB	6.40	TĂNG	GIẢM	6.40	5.95	0.00%			6.72		
SHS	7.70	GIẢM	TĂNG		8.00			8.40	7.36	-8.33%	
SZC	18.10	TĂNG	GIẢM	17.85	16.93	1.40%			19.60		
TCH	31.70	TĂNG	TĂNG	30.05	28.96	5.49%		26.15	25.36	21.22%	
TCM	18.95	GIẢM	GIẢM		19.92				22.18		
TDH	10.10	GIẢM	GIẢM		10.16				11.11		
TNG	15.50	TĂNG	GIẢM	15.10	14.86	2.65%			16.69		
TTB	4.27	GIẢM	GIẢM		4.78				7.60		
VGC	18.00	GIẢM	GIẢM		18.37				19.34		
VGT	8.30	GIẢM	GIẢM		8.67				8.95		
VHC	77.40	GIẢM	GIẢM		80.15				83.84		
VND	14.40	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	2.13%			14.88		
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		19.88				21.64		
VPI	41.60	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.73%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.40	TĂNG	GIẢM	8.30	7.69	1.20%			8.97		

We Create Fortune

AGR	3.41	GIẢM	GIẢM		3.57				4.02		
AMD	2.16	GIẢM	GIẢM		2.56			1.70	2.17	27.40%	BÁN
C4G	6.50	TĂNG	GIẢM	6.30	5.89	3.17%			6.98		
C69	9.50	TĂNG	GIẢM	10.80	8.96	-12.04%			15.84		
CVT	20.50	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DAH	10.30	GIẢM	GIẢM	9.99	10.70	7.06%	BÁN		11.27		
DRH	4.33	GIẢM	GIẢM		4.81				5.83		
DTD	10.50	TĂNG	GIẢM	11.10	10.41	-5.41%			12.54		
EVG	2.67	GIẢM	GIẢM		2.76				2.90		
FTM	2.07	GIẢM	GIẢM		2.45				4.30		
FUES SV50	12.60	GIẢM	GIẢM		12.66				13.11		
HAH	11.70	GIẢM	GIẢM		12.24				13.63		
HAR	3.88	GIẢM	GIẢM		4.64			3.90	3.89	-0.16%	BÁN
HDA	10.10	GIẢM	GIẢM		10.69				11.53		
HHP	12.20	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	0.00%			13.13		
HII	9.68	GIẢM	GIẢM		10.10				11.16		
HSL	7.56	GIẢM	GIẢM		8.01				8.77		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVH	17.10	GIẢM	GIẢM	17.90	17.42	-2.69%	BÁN		19.76		
JVC	3.48	GIẢM	GIẢM		3.79				4.46		
LCG	8.37	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-1.99%			8.76		
LGL	7.60	GIẢM	GIẢM		8.33				9.42		
LHG	15.30	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LMH	9.86	GIẢM	GIẢM		12.13				13.67		
PHC	11.30	TĂNG	GIẢM	11.30	11.24	0.00%	MUA		11.99		
PLP	9.65	GIẢM	GIẢM		10.28				11.39		
PVB	18.40	GIẢM	GIẢM		19.03				20.71		
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.34				1.46		
SJF	2.22	GIẢM	GIẢM		2.35				2.74		
SPP	2.10	GIẢM	GIẢM		2.20				2.60		
TDC	8.60	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-1.71%			9.04		
TNA	21.75	GIẢM	GIẢM		25.25			11.45	22.98	100.72%	BÁN
TSC	2.88	TĂNG	GIẢM	2.95	2.78	-2.37%			3.45		
TTF	2.69	TĂNG	GIẢM	2.74	2.60	-1.82%			3.03		
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.73				3.02		
VCR	12.10	GIẢM	GIẢM		12.98				18.53		
VNA	3.00	TĂNG	GIẢM	3.50	2.94	-14.29%			4.40		
VNE	3.63	GIẢM	GIẢM		3.81				3.70		



We Create Fortune

VRC	19.35	GIẢM	GIẢM		22.48			17.30	21.51	24.32%	BÁN
AAV	8.40	TĂNG	GIẢM	8.30	7.69	1.20%			8.97		
AGR	3.41	GIẢM	GIẢM		3.57				4.02		
AMD	2.16	GIẢM	GIẢM		2.56			1.70	2.17	27.40%	BÁN
C4G	6.50	TĂNG	GIẢM	6.30	5.89	3.17%			6.98		
C69	9.50	TĂNG	GIẢM	10.80	8.96	-12.04%			15.84		
CVT	20.50	GIẢM	GIẢM		21.11				22.74		
DAH	10.30	GIẢM	GIẢM	9.99	10.70	7.06%	BÁN		11.27		
DRH	4.33	GIẢM	GIẢM		4.81				5.83		
DTD	10.50	TĂNG	GIẢM	11.10	10.41	-5.41%			12.54		
EVG	2.67	GIẢM	GIẢM		2.76				2.90		
FTM	2.07	GIẢM	GIẢM		2.45				4.30		
FUES SV50	12.60	GIẢM	GIẢM		12.66				13.11		
HAH	11.70	GIẢM	GIẢM		12.24				13.63		
HAR	3.88	GIẢM	GIẢM		4.64			3.90	3.89	-0.16%	BÁN
HDA	10.10	GIẢM	GIẢM		10.69				11.53		
HHP	12.20	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	0.00%			13.13		
HII	9.68	GIẢM	GIẢM		10.10				11.16		
HSL	7.56	GIẢM	GIẢM		8.01				8.77		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVH	17.10	GIẢM	GIẢM	17.90	17.42	-2.69%	BÁN		19.76		
JVC	3.48	GIẢM	GIẢM		3.79				4.46		
LCG	8.37	TĂNG	GIẢM	8.54	8.00	-1.99%			8.76		
LGL	7.60	GIẢM	GIẢM		8.33				9.42		
LHG	15.30	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	963.51	0.51%
VN30	876.38	0.49%
VN Mid	929.61	0.18%
VN Small	788.73	-0.48%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.6	0.27%
HN30	181.28	0.53%
VNX AllSh	844.38	0.38%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.81	0.27%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	407.7	
Bán	367.85	
GT rỗng	39.85	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1.65	
Bán	3.96	
GT rỗng	-2.31	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	12.32	
Bán	5.27	
GT rỗng	7.05	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTI	1400	6.86%
DLG	100	5.08%
BID	2000	4.52%
PDR	950	3.73%
HCM	600	2.88%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHB	300	4.92%
TNG	200	1.31%
DNP	100	0.58%
TVC	100	0.57%
ACB	100	0.44%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ADG	11500	14.94%
CC1	2000	14.93%
PXL	400	5.19%
VEA	1400	3.32%
LPB	200	2.74%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	-1500	-6.99%
VRC	-1450	-6.97%
FIT	-730	-6.95%
GTN	-1400	-6.86%
TNA	-1600	-6.85%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CSC	-3300	-9.85%
MBG	-2700	-9.68%
TIG	-200	-2.99%
AMV	-600	-2.45%
L14	-1700	-2.37%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GVR	-300	-2.78%
MPC	-500	-2.27%
VIB	-100	-0.56%
NTC	-500	-0.30%
CTR	-100	-0.25%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,060	
VCB	335,653	
VHM	277,964	
VNM	205,831	
BID	185,817	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,603	
VCS	12,640	
VCG	11,926	
PVS	8,364	
SHB	7,700	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	168,191	
VEA	57,495	
MCH	51,486	
GVR	41,900	
BCM	30,958	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
DLG	12,572,210	7,497,990
ROS	9,983,180	31,089,166
FLC	8,903,360	9,782,725
EIB	7,602,530	79,315
GEX	7,093,662	663,913

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
OCH	5,933,300	14
SHB	4,337,811	2,246,330
KLF	3,371,770	2,940,944
VCG	3,153,534	172,972
ART	3,024,250	2,514,812

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
CC1	9,489,300	550
C4G	3,697,030	273,749
SWC	3,001,400	11,052
KSH	2,638,340	267,745
BSR	1,463,621	1,410,848

Nguồn: Bloomberg & YSVN

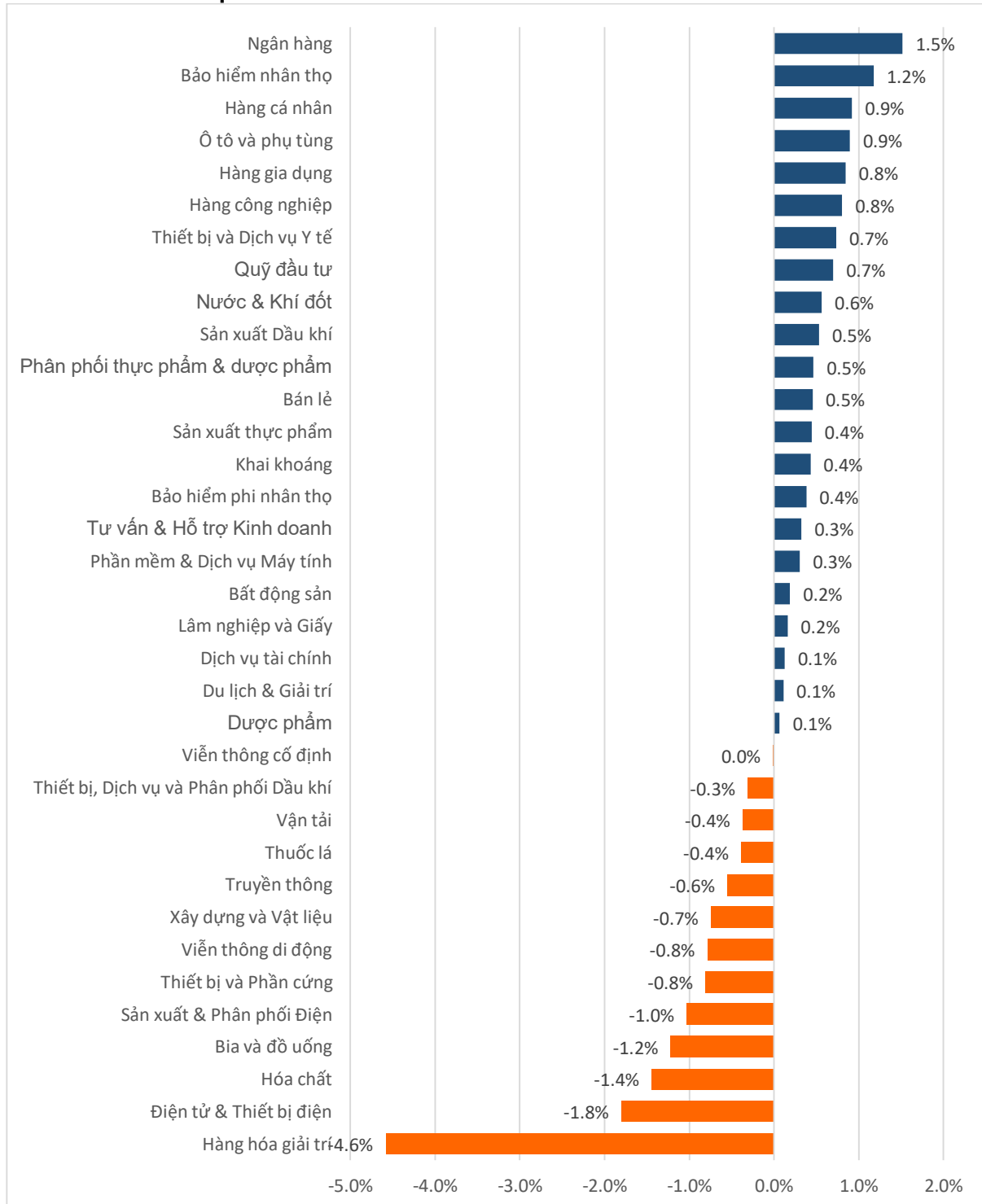
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



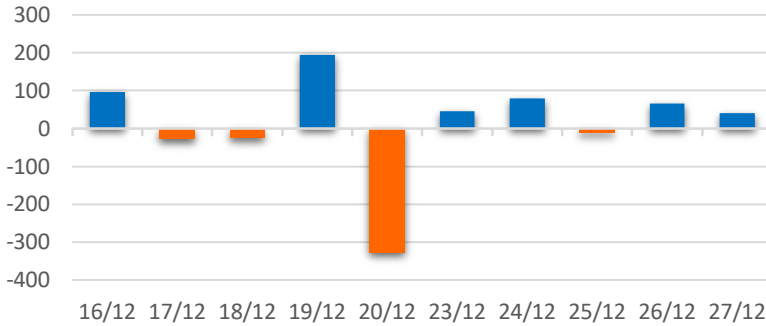
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

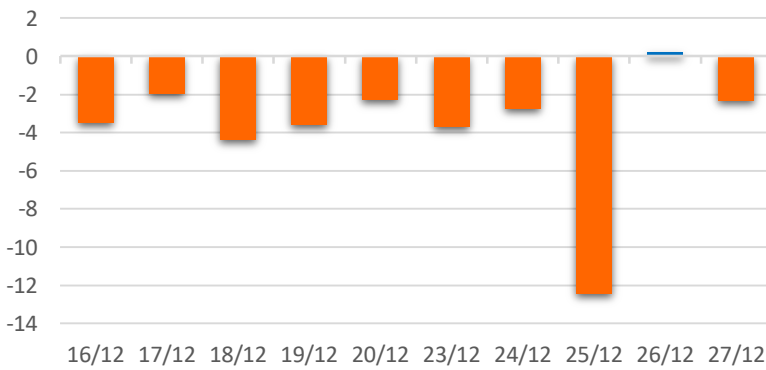
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	26,309	HDB	17,900
E1VFN30	16,963	VIC	16,828
VRE	14,624	VCB	10,667
MSN	7,470	VPI	8,200
TCH	5,502	POW	7,863

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

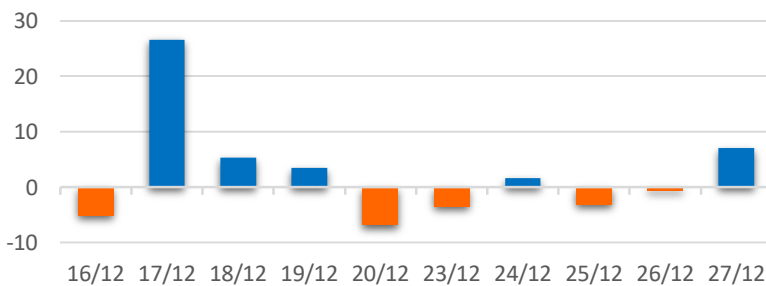
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	221	PVS	1,663
BVS	192	VNR	664
VCS	134	NTP	292
TIG	100	HUT	264
IDV	98	DNP	204

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



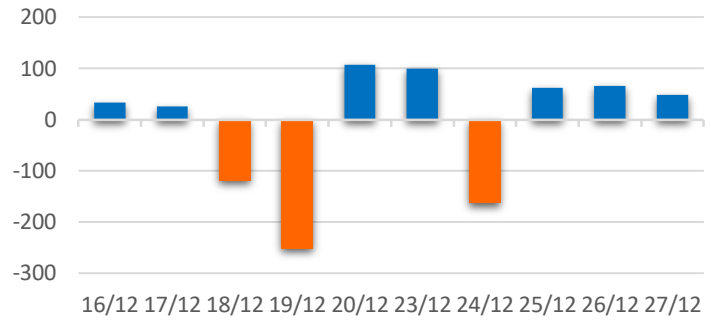
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

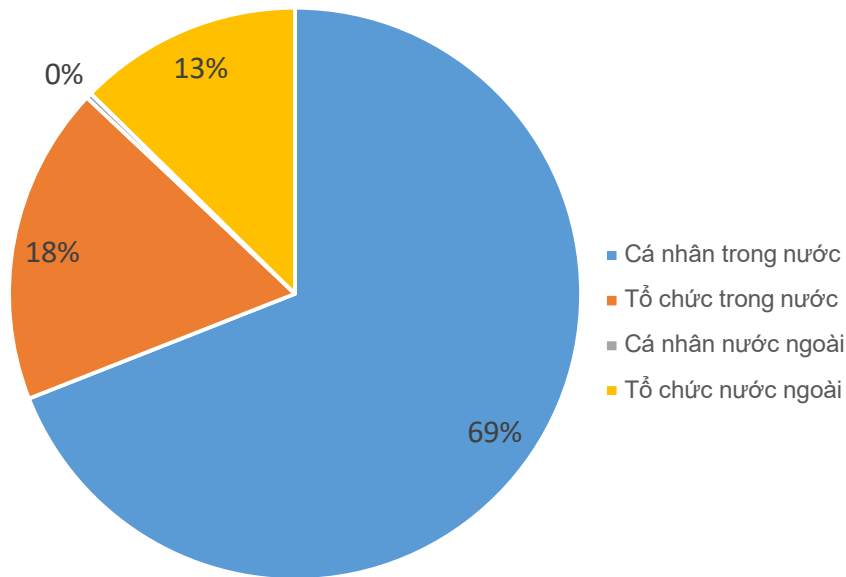
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
EIB	41,890	MWG	18,526
DHC	19,485	E1VFN30	17,015
DAH	16,434	HPG	9,933
DSN	10,945	MBB	9,274
PAN	10,220	BVH	5,060

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

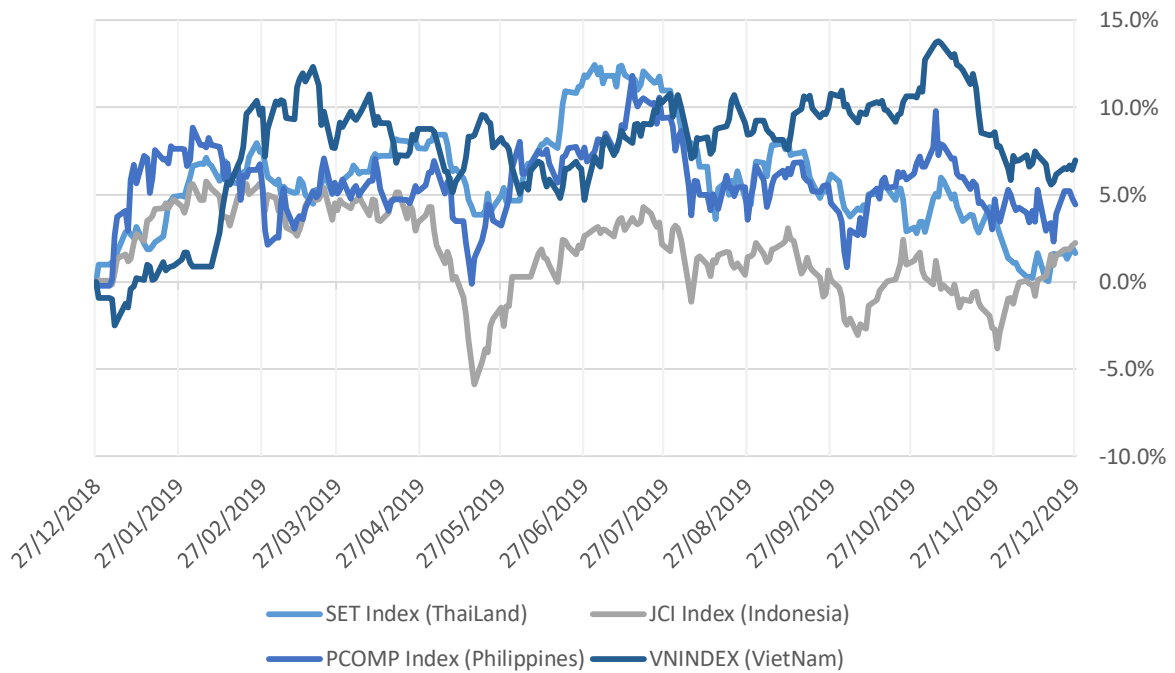


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

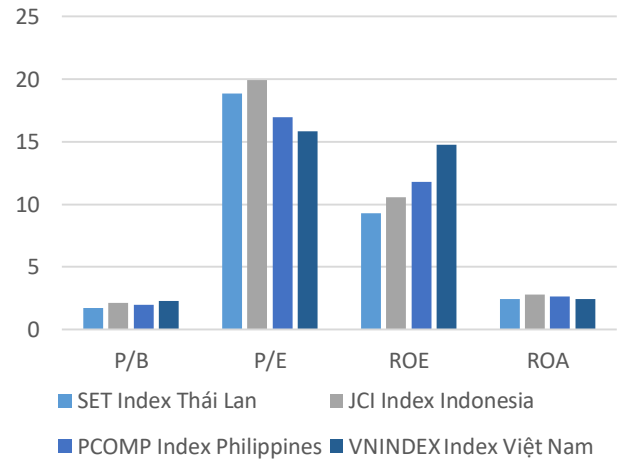
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.9x	19.9x	16.9x	15.8x
ROE	%	9.28	10.57	11.79	14.74
ROA	%	2.41	2.77	2.66	2.42
Vốn hóa	Tỷ USD	554.23	524.14	193.21	141.18
GTGD	Triệu USD	0.77	0.29	0.04	0.10
LS cổ tức	%	3.24	2.39	1.60	1.94

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part and any form or manner, without the express written